

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY
ĐIỆN GIA
LAI

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA
LAI
DN:
E=thuydiengialai@gmail.com,
OID.0.9.2342.19200300.100.
1.1=MST:5900288566,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN GIA LAI, L=GIA
LAI, C=VN
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2018-03-05 14:56:06

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2002 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 cấp ngày 13 tháng 4 năm 2016.

Hội đồng Quản trị	Ông Lê An Khang	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên
	Ông Trần Đình Lợi	Thành viên
	Ông Đinh Châu Hiếu Thiện	Thành viên
	Ông Hà Nguyên Hoàng	Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Hàn Phi Hải	Trưởng ban
	Bà Vũ Thị Kiều Vân	Thành viên
	Ông Vũ Xuân Bình	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Trịnh Vinh Thanh	Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Lê An Khang	Chủ tịch
Trụ sở chính	Số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("Công ty") ủy quyền cho Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 28. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trịnh Vinh Thanh
Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Tỉnh Gia Lai, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 28 tháng 2 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017, và được Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 28 tháng 2 năm 2018. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 28.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 10 tháng 3 năm 2017.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Việt Hùng Trân
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM6598
TP. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2018



Lại Hùng Phương
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2432-2018-006-1

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		195.924.987.526	112.755.773.050
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	127.941.504.646	20.757.627.323
111	Tiền		25.441.504.646	257.627.323
112	Các khoản tương đương tiền		102.500.000.000	20.500.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		65.682.889.098	89.641.834.509
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	23(b)	21.619.937.167	45.576.299.046
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	4	43.044.000.000	340.500.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	5	1.018.951.931	43.725.035.463
140	Hàng tồn kho	6	2.283.206.584	2.285.325.182
141	Hàng tồn kho		2.283.206.584	2.285.325.182
150	Tài sản ngắn hạn khác		17.387.198	70.986.036
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		-	63.614.342
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10(b)	17.387.198	7.371.694
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		219.386.116.153	250.085.598.712
220	Tài sản cố định		218.346.945.483	237.098.194.617
221	Tài sản cố định hữu hình	7(a)	216.917.986.508	235.660.604.942
222	Nguyên giá		396.562.068.089	394.231.384.979
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(179.644.081.581)	(158.570.780.037)
227	Tài sản cố định vô hình	7(b)	1.428.958.975	1.437.589.675
228	Nguyên giá		1.492.970.000	1.492.970.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(64.011.025)	(55.380.325)
250	Đầu tư tài chính dài hạn		-	12.100.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết	8	-	12.000.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	100.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		1.039.170.670	887.404.095
261	Chi phí trả trước dài hạn		1.039.170.670	887.404.095
270	TỔNG TÀI SẢN		415.311.103.679	362.841.371.762

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		76.289.212.720	65.231.083.808
310	Nợ ngắn hạn		76.289.212.720	65.231.083.808
311	Phải trả người bán ngắn hạn	9	3.927.400.841	822.573.050
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10(a)	10.741.410.320	7.861.234.950
314	Phải trả người lao động		136.602.794	1.143.796.852
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		60.000.000	18.500.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	11	51.049.630.532	48.836.478.414
322	Quý khen thưởng, phúc lợi	12	10.374.168.233	6.548.500.542
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		339.021.890.959	297.610.287.954
410	Vốn chủ sở hữu		339.021.890.959	297.610.287.954
411	Vốn góp của chủ sở hữu	13, 14	205.000.000.000	205.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		205.000.000.000	205.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	14	52.499.670.000	52.499.670.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	14	47.026.090.100	28.883.472.879
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	14	34.496.130.859	11.227.145.075
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		1.619.252.604	877.188.123
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		32.876.878.255	10.349.956.952
440	TỔNG NGUỒN VỐN		415.311.103.679	362.841.371.762



Võ Thị Tuyết Điệp
 Kế toán trưởng/Người lập



Trịnh Vinh Thanh
 Giám đốc
 Ngày 28 tháng 2 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND	
10	Doanh thu thuần về bán hàng	17	166.093.458.341	115.699.076.272
11	Giá vốn hàng bán	18	49.536.000.048	41.069.897.170
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)		116.557.458.293	74.629.179.102
21	Doanh thu hoạt động tài chính	19	12.506.576.676	7.393.247.688
22	Chi phí tài chính		-	2.352.742.493
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	2.352.742.493
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	3.664.752.539	3.785.061.110
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)		125.399.282.430	75.884.623.187
31	Thu nhập khác		455.007.326	194.088.119
32	Chi phí khác		61.245.295	363.439.308
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)		393.762.031	(169.351.189)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		125.793.044.461	75.715.271.998
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	10.991.357.088	6.557.422.575
52	Thuế TNDN hoãn lại	21	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		114.801.687.373	69.157.849.423
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15	5.320	3.205
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	15	5.320	3.205



Võ Thị Tuyết Điệp
Kế toán trưởng/Người lập



Trịnh Vinh Thanh
Giám đốc
Ngày 28 tháng 2 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	125.793.044.461	75.715.271.998
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	22.329.013.408	22.398.150.547
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(12.810.069.658)	(7.396.307.165)
06	Chi phí lãi vay	-	2.342.976.701
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	135.311.988.211	93.060.092.081
09	Tăng các khoản phải thu	(19.088.797.429)	(15.160.295.294)
10	Giảm hàng tồn kho	2.118.598	16.645.628
11	Tăng các khoản phải trả	1.737.849.399	3.801.461.167
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(88.152.233)	69.418.540
14	Tiền lãi vay đã trả	-	(2.342.976.701)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(7.757.918.115)	(5.846.137.809)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	20.000.000	-
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.914.416.677)	(2.079.641.666)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	108.222.671.754	71.518.565.946
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(3.984.271.292)	(1.423.803.660)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	710.000.000	144.645.456
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	62.483.562.000	6.316.438.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.140.742.012	2.868.614.566
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	64.350.032.720	7.905.894.362
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Chi trả nợ gốc vay	-	(54.696.161.023)
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(65.388.827.151)	(71.066.134.003)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(65.388.827.151)	(125.762.295.026)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	107.183.877.323	(46.337.834.718)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 20.757.627.323	67.095.462.041
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 127.941.504.646	20.757.627.323

Võ Thị Tuyết Diệp
Kế toán trưởng/Người lập



Trịnh Vinh Thanh
Giám đốc
Ngày 28 tháng 2 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2002. Giấy chứng nhận điều chỉnh mới nhất được cấp ngày 13 tháng 4 năm 2016.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 291/TB-SGDHN ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán GHC.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 47 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 47 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền cho nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.7 Đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Đầu tư (tiếp theo)****(b) Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao/hao mòn theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	13 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Khác	3 - 25 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 43 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp ngày 7 tháng 10 năm 2010.

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Tài sản cố định (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.15 Vốn cổ phần

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập và sau khi đã trích các quỹ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại thời điểm báo cáo.

2.16 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt nam có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Công ty phân chia lợi nhuận thuần như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

(c) Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.17 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty được xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.18 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.19 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp và chi phí khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.21 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.22 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.23 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	23.415.588	6.694.684
Tiền gửi ngân hàng	25.418.089.058	250.932.639
Các khoản tương đương tiền (*)	102.500.000.000	20.500.000.000
	<u>127.941.504.646</u>	<u>20.757.627.323</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trong vòng 3 tháng.

4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên thứ ba	44.000.000	340.500.000
Bên liên quan (Thuyết minh 23(b)) (*)	43.000.000.000	-
	<u>43.044.000.000</u>	<u>340.500.000</u>

(*) Thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2017/NQ - HĐQT ngày 21 tháng 6 năm 2017, Công ty thỏa thuận ký Hợp đồng mua hàng với tổng giá trị hợp đồng là 63 tỷ đồng và ứng trước cho bên bán số tiền là 43 tỷ đồng (Thuyết minh 23(a)).

Công ty được hưởng lãi suất 9,5%/năm trên số tiền tạm ứng và nhận thể chấp 4.500.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi phải thu	600.666.667	102.184.723
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 23(b))	402.329.789	43.445.947.840
Phải thu người lao động tạm ứng	10.741.900	171.902.900
Khác	5.213.575	5.000.000
	<u>1.018.951.931</u>	<u>43.725.035.463</u>

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên vật liệu tồn kho	314.470.294	399.712.530
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.968.736.290	1.885.612.652
	<u>2.283.206.584</u>	<u>2.285.325.182</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

Mẫu số B 09 - DN

7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH									
(a) Tài sản cố định hữu hình									
	Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Khác	Tổng cộng		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND		VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	193.478.121.738	156.024.338.264	4.903.660.391	161.650.000	39.663.614.586	394.231.384.979			
Mua trong năm	-	3.172.790.909	-	-	811.480.383	3.984.271.292			
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.653.588.182)	-	-	(1.653.588.182)			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	193.478.121.738	159.197.129.173	3.250.072.209	161.650.000	40.475.094.969	396.562.068.089			
Khấu hao lũy kế									
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	73.029.354.580	62.828.044.931	1.796.108.145	34.712.280	20.882.560.101	158.570.780.037			
Khấu hao trong năm	9.859.978.080	9.103.382.196	287.897.564	28.205.004	3.040.919.864	22.320.382.708			
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.247.081.164)	-	-	(1.247.081.164)			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	82.889.332.660	71.931.427.127	836.924.545	62.917.284	23.923.479.965	179.644.081.581			
Giá trị còn lại									
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	120.448.767.158	93.196.293.333	3.107.552.246	126.937.720	18.781.054.485	235.660.604.942			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	110.588.789.078	87.265.702.046	2.413.147.664	98.732.716	16.551.615.004	216.917.986.508			

7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)**(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Tại ngày cuối năm, nguyên giá tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 121,3 triệu đồng (tại ngày đầu năm: 0 đồng).

Tại ngày cuối năm, Công ty đã sử dụng một phần TSCĐ hữu hình và quyền sử dụng đất (Thuyết minh 7(b)) liên quan đến dự án thủy điện H'Chan và H'Mun với tổng giá trị còn lại là 217 tỷ đồng (tại ngày đầu năm: 236 tỷ đồng) để làm tài sản đảm bảo bổ sung cho khoản vay của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai - Công ty mẹ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai.

(b) Tài sản cố định vô hình**Quyền sử dụng đất
VND****Nguyên giá**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017
và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

1.492.970.000

Khấu hao lũy kế

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017
Khấu hao trong năm

55.380.325

8.630.700

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

64.011.025

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017

1.437.589.675

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

1.428.958.975

8 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ cho Công ty Cổ phần Điện Gia Lai - Công ty mẹ với tổng giá trị chuyển nhượng là 19.200.000.000 đồng (Thuyết minh 23(a)).

9 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên thứ ba	266.220.912	73.443.050
Bên liên quan (Thuyết minh 23(b))	3.661.179.929	749.130.000
	<u>3.927.400.841</u>	<u>822.573.050</u>

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Công ty không có bất kỳ khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn.

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỢ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**(a) Phải nộp**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	4.168.544.735	10.991.357.088	(7.757.918.115)	7.401.983.708
Thuế giá trị gia tăng	2.149.337.644	15.913.979.278	(16.499.723.604)	1.563.593.318
Thuế tài nguyên	1.543.352.571	11.825.889.031	(12.058.378.939)	1.310.862.663
Các khoản phí, lệ phí	-	464.970.631	-	464.970.631
	<u>7.861.234.950</u>	<u>39.196.196.028</u>	<u>(36.316.020.658)</u>	<u>10.741.410.320</u>

(b) Phải thu

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước chủ yếu bao gồm tiền thuế thu nhập cá nhân nộp thừa.

11 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 16)	49.683.851.101	47.422.678.252
Phí bảo vệ môi trường rừng	1.285.026.896	1.066.992.880
Khác	80.752.535	346.807.282
	<u>51.049.630.532</u>	<u>48.836.478.414</u>
Trong đó		
Bên liên quan (Thuyết minh 23(b))	28.807.520.922	27.585.125.800
Bên thứ ba	22.242.109.610	21.251.352.614
	<u>51.049.630.532</u>	<u>48.836.478.414</u>

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Công ty không có bất kỳ khoản phải trả ngắn hạn khác nào bị quá hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

Mẫu số B 09 - DN

12 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	6.548.500.542	3.616.589.762
Tăng (Thuyết minh 15)	5.740.084.368	5.011.552.446
Sử dụng trong năm	(1.914.416.677)	(2.079.641.666)
Số cuối năm	<u>10.374.168.233</u>	<u>6.548.500.542</u>

13 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu phổ thông	Số đầu năm Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký; đã phát hành và đang lưu hành	<u>20.500.000</u>	<u>20.500.000</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	11.919.364	58,14	11.919.364	58,14
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	600.000	2,93	600.000	2,93
Các cổ đông khác	7.980.636	38,93	7.980.636	38,93
	<u>20.500.000</u>	<u>100</u>	<u>20.500.000</u>	<u>100</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	20.500.000	205.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>20.500.000</u>	<u>205.000.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

Mẫu số B 09 – DN

14 TÌNH HÌNH TẶNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	205.000.000.000	52.499.670.000	28.883.472.879	7.555.848.098	293.938.990.977
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	69.157.849.423	69.157.849.423
Cổ tức công bố	-	-	-	(60.475.000.000)	(60.475.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 12)	-	-	-	(5.011.552.446)	(5.011.552.446)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	205.000.000.000	52.499.670.000	28.883.472.879	11.227.145.075	297.610.287.954
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	114.801.687.373	114.801.687.373
Cổ tức công bố (Thuyết minh 16) (*)	-	-	-	(67.650.000.000)	(67.650.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	18.142.617.221	(18.142.617.221)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 12)	-	-	-	(5.740.084.368)	(5.740.084.368)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	205.000.000.000	52.499.670.000	47.026.090.100	34.496.130.859	339.021.890.959

(*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-DHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 ("Nghị quyết 01/2017/NQ-DHĐCĐ"), Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 6 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/2017/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc chi cổ tức còn lại của năm 2016 với tỷ lệ 3%, tạm ứng 7% và 23% cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

Mẫu số B 09 – DN

15 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần (VND)	114.801.687.373	69.157.849.423
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	<u>(5.740.084.368)</u>	<u>(3.457.892.471)</u>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	109.061.603.005	65.699.956.952
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	20.500.000	20.500.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>5.320</u>	<u>3.205</u>

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận của Công ty.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

16 CỔ TỨC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	47.422.678.252	58.013.812.255
Cổ tức công bố (Thuyết minh 14)	67.650.000.000	60.475.000.000
Cổ tức đã trả	<u>(65.388.827.151)</u>	<u>(71.066.134.003)</u>
Số dư cuối năm (Thuyết minh 11)	<u>49.683.851.101</u>	<u>47.422.678.252</u>

17 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán điện (Thuyết minh 23(a))	<u>166.093.458.341</u>	<u>115.699.076.272</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

Mẫu số B 09 – DN

18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán điện	49.536.000.048	41.069.897.170

19 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư (Thuyết minh 23(a))	7.200.000.000	4.500.000.000
Lãi tiền gửi	2.272.993.145	1.023.054.330
Lãi ứng trước tiền hàng (Thuyết minh 23(a))	2.121.930.557	-
Lãi chậm thanh toán (Thuyết minh 23(a))	911.652.974	1.860.455.295
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	9.738.063
	<u>12.506.576.676</u>	<u>7.393.247.688</u>

20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	1.471.797.465	1.773.495.692
Chi phí khấu hao và hao mòn	80.962.229	143.195.835
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	43.133.420	54.393.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.139.154	16.873.786
Chi phí khác	2.056.720.271	1.797.102.131
	<u>3.664.752.539</u>	<u>3.785.061.110</u>

21 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Đối với dự án thủy điện H'Chan, Công ty được áp dụng thuế suất 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006), thuế TNDN được miễn trong 4 năm (từ năm 2006 đến năm 2009) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018) kể từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại.

Đối với dự án thủy điện H'Mun, Công ty được giảm 50% thuế TNDN cho 9 năm (từ năm 2015 đến năm 2023).

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	125.793.044.461	75.715.271.998
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	845.087.273	642.938.404
Thù lao Hội đồng Quản trị	375.000.000	399.000.000
Lợi nhuận tính thuế ước tính		
Dự án Nhà máy thủy điện H'Chan	54.666.288.769	35.082.879.881
Dự án Nhà máy thủy điện H'Mun	62.113.259.434	35.315.875.225
Thu nhập khác	10.233.583.531	6.358.455.296
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Dự án Nhà máy thủy điện H'Chan	5.466.628.877	3.508.287.987
Dự án Nhà máy thủy điện H'Mun	12.422.651.887	7.063.175.045
Thu nhập khác	2.046.716.705	1.271.691.060
Thuế được miễn giảm		
Dự án Nhà máy thủy điện H'Chan	(2.733.314.438)	(1.754.143.994)
Dự án Nhà máy thủy điện H'Mun	(6.211.325.943)	(3.531.587.523)
Chi phí thuế TNDN (*)	10.991.357.088	6.557.422.575
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	10.991.357.088	6.557.422.575
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	10.991.357.088	6.557.422.575

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

22 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao và hao mòn	22.329.013.408	22.398.150.547
Chi phí nguyên liệu vật liệu	614.605.830	336.740.209
Chi phí nhân công	8.698.228.819	7.281.283.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.756.195	194.194.329
Các chi phí khác bằng tiền	21.415.148.335	14.644.589.203
	<u>53.200.752.587</u>	<u>44.854.958.280</u>

23 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty mẹ"), một công ty được thành lập tại Việt Nam, do chiếm 58,14% vốn điều lệ của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan.

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đông	Doanh thu bán điện (Thuyết minh 17)	166.093.458.341	115.699.076.272
		Cổ tức công bố	1.980.000.000	1.770.000.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Cổ tức công bố	39.333.901.200	35.162.123.800
		Thanh lý khoản đầu tư (Thuyết minh 8)	19.200.000.000	-
		Lãi do thanh lý khoản đầu tư (Thuyết minh 19)	7.200.000.000	-
		Mua tài sản cố định	3.095.164.545	-
		Mua dịch vụ, hàng hóa	1.323.981.986	1.347.615.066
		Chi phí được trả hộ	1.101.779.099	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan khác	Lãi chậm thanh toán (Thuyết minh 19)	911.652.974	1.860.455.295
		Thanh lý khoản đầu tư	-	49.500.000.000
		Lãi do thanh lý khoản đầu tư (Thuyết minh 19)	-	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan khác	Ứng trước tiền hàng (Thuyết minh 4)	43.000.000.000	-
		Lãi ứng trước tiền hàng (Thuyết minh 19)	2.121.930.557	-

23 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các quyền lợi gộp khác		
Ban kiểm soát và Hội đồng Quản trị	549.355.396	699.110.850
Ban Giám đốc	481.632.000	783.170.924
	<u>1.030.987.396</u>	<u>1.482.281.774</u>

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	<u>21.619.937.167</u>	<u>45.576.299.046</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 4)		
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	<u>43.000.000.000</u>	<u>-</u>
Khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	351.763.889	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	50.565.900	-
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	-	76.456.615
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	43.369.491.225
	<u>402.329.789</u>	<u>43.445.947.840</u>
Phải trả người bán (Thuyết minh 9)		
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	<u>3.661.179.929</u>	<u>749.130.000</u>
Các khoản phải trả khác (Thuyết minh 11)		
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	27.427.520.922	26.265.125.800
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1.380.000.000	1.320.000.000
	<u>28.807.520.922</u>	<u>27.585.125.800</u>

24 BẢO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Công ty hoạt động. Do đó, Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

25 NỢ TIỀM TÀNG

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty phải lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo quy định và chính sách áp dụng đối với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án. Tại ngày báo cáo tài chính này, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng này do chưa có hướng dẫn từ cơ quan chức năng về dự phòng hoàn nguyên môi trường đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

26 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm nay.

Báo cáo tài chính đã được Giám đốc duyệt ngày 28 tháng 2 năm 2018.



Võ Thị Tuyết Điệp
Kế toán trưởng/Người lập



Trịnh Vinh Thanh
Giám đốc